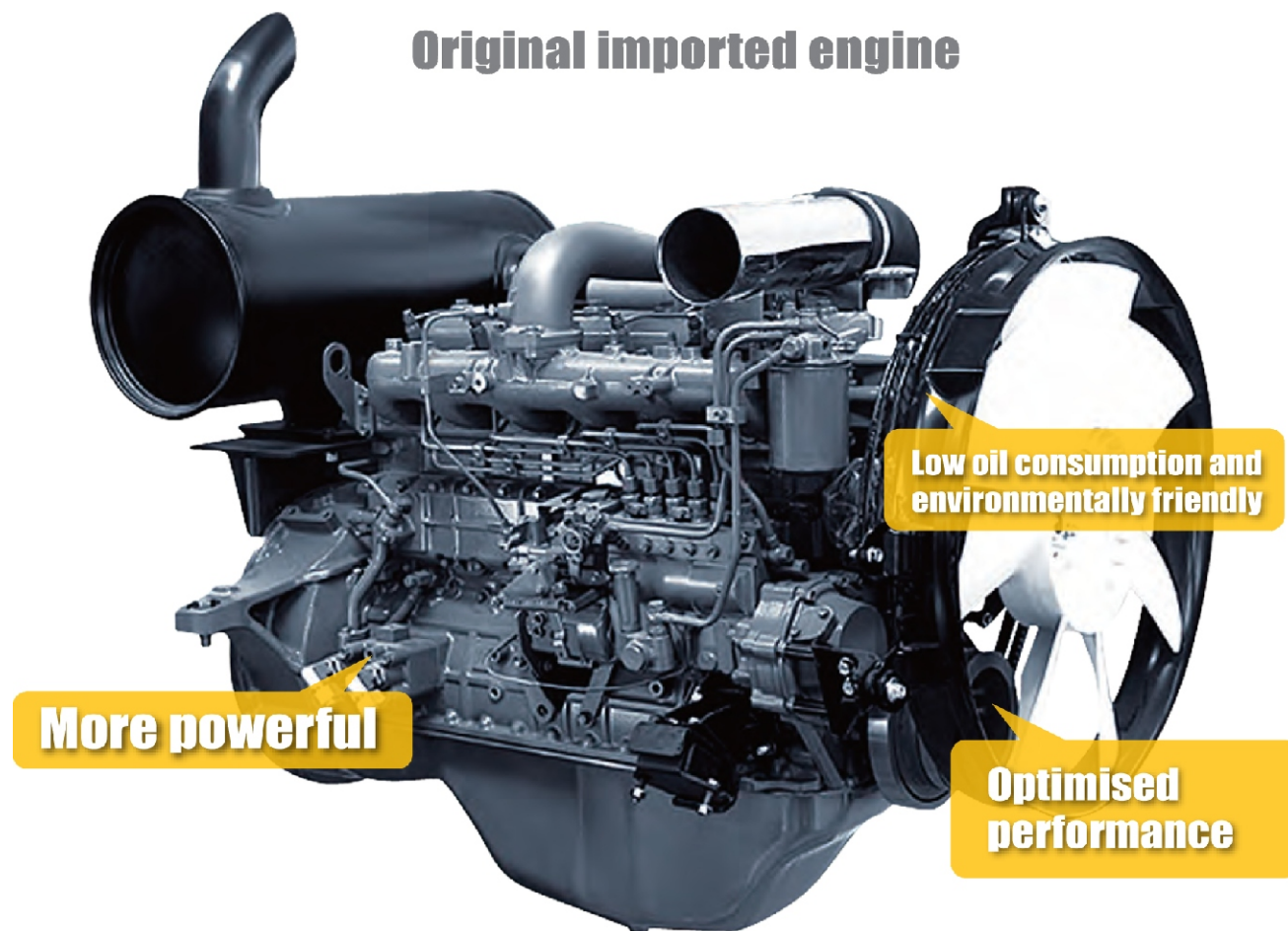




Original imported engine



Động cơ

Động cơ Isuzu kim phun cơ Nhật Bản bền bỉ và mạnh mẽ. Hệ thống tổng thể tối ưu hóa nâng cao hiệu quả làm việc và tiết kiệm nhiên liệu

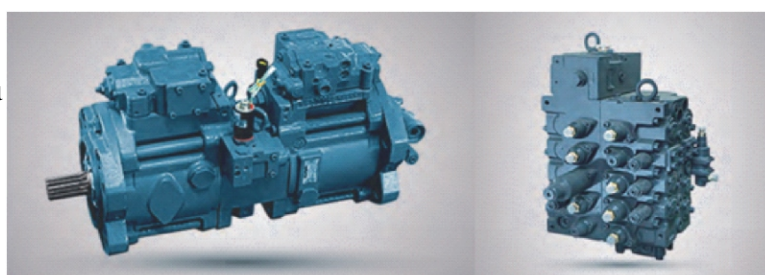
Bộ lọc nhiên liệu mới nhất

Bộ lọc nhiên liệu mới nhất cải thiện quá trình lọc và đảm bảo chất lượng dầu vào, do đó cải thiện độ tin cậy của máy trong điều kiện vận hành khắc nghiệt



Hệ thống

Hệ thống thủy lực nhập khẩu với cấu hình phù hợp với khả năng làm việc tăng hiệu suất cao.



XE370CA

Hydraulic Excavator



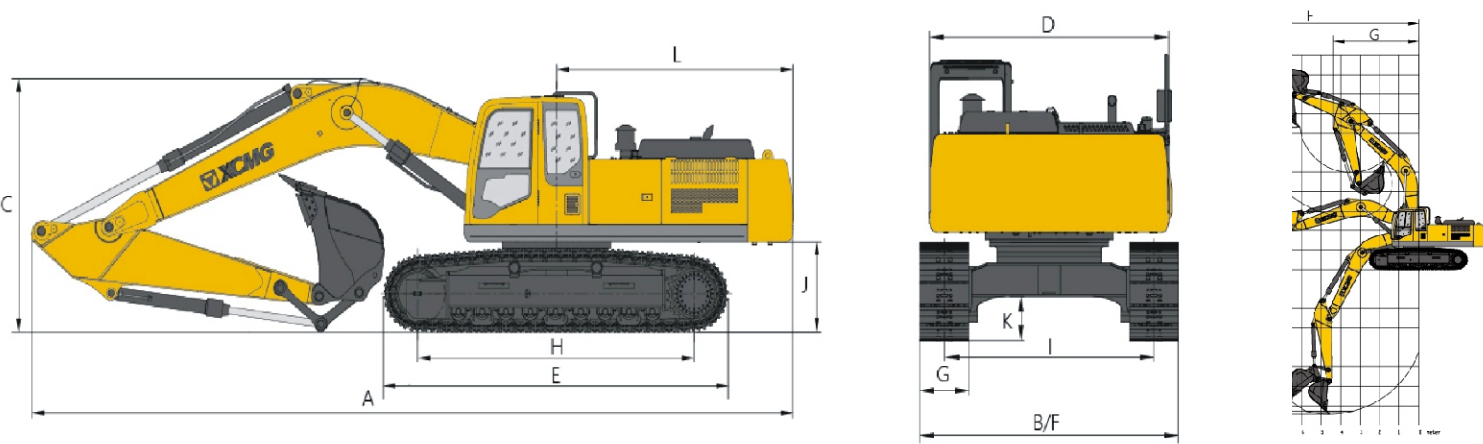
Dung tích gầu (m³) : 1.4-1.8

Trọng lượng làm việc (Kg) : 36600

Công suất động cơ (Kw/vòng/phút) : 190.5/2000

TSKT MÁY XÚC ĐÀO MODEL XE370A

Model		Đơn vị	XE370CA
Trọng lượng làm việc		Kg	36600
Dung tích gầu đào		m ³	1.4~1.8
Động cơ	Model	/	ISUZU AA-6HK1XQP
	Phun thẳng	/	√
	4 hành trình	/	√
	Làm mát bằng nước	/	√
	Tu bơm tăng áp	/	√
	Hệ thống làm mát khí nạp	/	√
	Số xy lanh	/	6
	Công suất ước định/ tốc độ quay	kw/rpm	190.5/2000
	Mô men xoắn lớn nhất/ tốc độ quay	N.m	872.8/1700
	Dung tích	L	7.79
Tính năng chính	Tốc độ di chuyển (cao/thấp)	km/h	5.4/3.2
	Tốc độ quay	r/min	9.7
	Khả năng leo dốc	°	35
	Tỉ áp tiếp đất	kPa	66.6
	Lực đào gầu	kN	263
	Lực đào tay gầu	kN	225
	Lực kéo lớn nhất	kN	285
Hệ thống thủy lực	Bơm chính	/	Hai bơm
	Lưu lượng ước định bơm chính	L/min	2×320
	Áp lực van an toàn chính	MPa	34.3/37
	Áp lực hệ thống di chuyển	MPa	34.3
	Áp lực hệ thống quay	MPa	26.5
	Áp lực hệ thống dẫn hướng	MPa	3.9
Dung tích dầu	Dung tích thùng dầu nhiên liệu	L	630
	Thung tích thùng dầu thủy lực	L	320
	Dung tích dầu máy động cơ	L	30
Kích thước	A Tổng chiều dài	mm	11386
	B Tổng chiều rộng	mm	3190
	C Tổng chiều cao	mm	3530
	D Chiều rộng bộ quay	mm	2950
	E Chiều dài dải xích	mm	4157
	F Chiều rộng xe cơ sở	mm	2890
	G Độ rộng dải xích	mm	600
	H Khoảng cách trục dải xích	mm	4040
	I khoảng cách hai dải xích	mm	5035
	J Khoảng cách mặt đất kèm đối trọng	mm	1197
	K Khoảng cách mặt đất nhỏ nhất	mm	500
	L Bán kính quay nhỏ nhất phần đuôi	mm	3570
	M Chiều cao dải xích	mm	1105
Phạm vi làm việc	A Chiều cao đào lớn nhất	mm	10123
	B Chiều cao hạ tải lớn nhất	mm	6947
	C Chiều sâu đào lớn nhất	mm	6927
	D Chiều sâu ngoạm đất	mm	6709
	E Độ sâu đào dọc lớn nhất	mm	5312



	F Bán kính quay lớn nhất	mm	10470
	G Bán kính quay nhỏ nhất	mm	4424
Tiêu chuẩn	Chiều dài cần	mm	6400
	Chiều dài tay gầu	mm	2670
	Dung tích gầu	m ³	1.6
Lựa chọn	Chiều dài cần	mm	6200
	Chiều dài tay gầu	mm	2900
	Dung tích gầu	m ³	1.4/1.5 Rock bucket) 1.8 Earthwork bucket)

DANH MỤC BỘ PHẬN CHÍNH

STT	Tên phụ tùng	Hãng sản xuất	Ghi chú
1	Động cơ	Japan ISUZU	Nhập khẩu
3	Bơm chính	Japan Kawasaki	Nhập khẩu
4	Van chính	Japan Kawasaki	Nhập khẩu
5	Mô tơ di chuyển	Korea Doosan	Nhập khẩu
6	Mô tơ quay	Japan Kawasaki	Nhập khẩu
7	Điều hòa không khí	Shang hai Taybo	

